

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2025/HNGĐ – ST**
Ngày 30/5/2025
V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Quang Hòa và bà Nguyễn Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2025/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn D, sinh năm 1997. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Làng C, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2000 (Vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn abg Bùi Văn D trình bày: Anh D1 và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, sống không có hạnh phúc và hai vợ chồng đã sống ly thân nhau đến nay đã hơn ba năm. Trong thời gian sống ly thân cho đến nay không ai liên lạc, quan tâm, hỏi han gì đến nhau.

Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, không còn tình cảm nữa nên anh D1 yêu cầu được giải quyết ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Bùi Thị Thảo M, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2018. Ly hôn thì nguyện vọng của anh D1 là được nuôi con vì con đang ở với anh. Anh Dũng không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Dũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị T: Quá trình nộp hồ sơ tại Tòa án, anh D1 đã gửi cho chị đơn xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án cũng đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho chị T nhưng chị vẫn cố tình không hợp tác, không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn không có mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vắng mặt chị T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, ban hành các quyết định đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã làm đúng trình tự thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các giấy tờ hợp lệ nhưng vẫn cố tình không chấp hành.

Về việc giải quyết vụ án đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn D là được ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Về con cái: Giao con chung Bùi Thị Thảo M cho anh D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T do anh D chưa yêu cầu.

Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của anh Bùi Văn D.

2. Về thủ tục tố tụng: Anh Bùi Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D và chị T theo quy định tại Điều 227 và 228 – Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn D và chị Nguyễn Thị T có mối quan hệ hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có sự tôn trọng lẫn nhau nên cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và hai anh chị đã sống ly thân nhau đến nay đã hơn ba năm, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Đối với chị Nguyễn Thị T đã nhiều lần Tòa án đã triệu tập lên Tòa án để hòa giải nhưng chị T vẫn cố tình không lên, điều đó thể hiện chị không có thiện chí hòa giải để vợ chồng về chung sống đoàn tụ với nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bùi Văn D là được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

4. Về quan hệ con chung: Anh D1 và chị T có một con chung là Bùi Thị Thảo M, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2018. Nguyên vọng của anh D1 là được nuôi con. Xét nguyện vọng của anh là hoàn toàn phù hợp vì hiện tại cháu M đang ở với anh D1, được anh D1 nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Mặt khác thì cháu M cũng có nguyện vọng ở với anh D1. Vì vậy cần giao con chung cho anh D1 được trực tiếp nuôi nấng, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con anh D1 không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

5. Về quan hệ tài sản: Anh Dũng không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

6. Về án phí: Anh Dũng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, Điều 35, điều 147, Điều 227 và 228 – Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 71, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Văn D là được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Bùi Văn D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Thị Thảo M, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2018. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T do anh D không yêu cầu. Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi có căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc có lý do chính đáng, theo yêu cầu của một hoặc các bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh Dũng không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Bùi Văn D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh D1 đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền số 0012525 ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Nghĩa Đàn;
- Chi cục THADS h. Nghĩa Đàn;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghĩa Yên, h. Nghĩa Đàn (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Anh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh

Võ Quang Hoà

Lương Anh Xuân